

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/HS-ST  
Ngày: 07/4/2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Trung Hiếu.

*Thẩm phán:* Ông Lê Khắc Thịnh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lưu Thị Phụng;

Ông Phạm Hữu Lộc;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

**Phan Thị Kim L** (Tên gọi khác: T), sinh ngày 19/9/1985 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Tổ A, ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo có chồng Nguyễn Văn P (đã ly hôn) và có 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/3/2025, chuyển tạm giam từ ngày 03/4/2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn H - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.(có mặt)

- Bị hại:

1. **Nguyễn Thị Thu C**, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: tổ F, khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Phạm Thị Việt H1**, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. **Nguyễn Phương L1**, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, tổ G, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Nguyễn Phú T1**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Võ Phước Lê Anh T2**, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

4. **Võ Hoàng T3**, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

5. **Nguyễn Hữu H2**, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, khóm C, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

6. **Hồ Thị Cẩm T4**, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, khóm T, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2019 bị cáo Phan Thị Kim L sinh sống như vợ chồng với ông Thái Hữu T5, sinh năm 1985, tại khóm M, Phường C, Đồng Tháp. Đến tháng 6 năm 2023 L quen biết Nguyễn Thị Thu C (sinh năm 1977, nơi cư trú: Khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp). L biết C có tiền nhàn rỗi nên L nói dối với C là L có quen bà Lê Thị L2 (sinh năm 1981, nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) cần vay tiền để chữa bệnh cho chồng. L cung cấp số điện thoại của L2 cho bà C làm quen, thật ra không có người nào là Lê Thị L2, mà L2 chính là L. Tiếp đó, L sử dụng tài khoản zalo tên Lê Thị L2 kết bạn với tài khoản zalo của bà C để nhắn tin, trò chuyện và sử dụng số điện thoại sim số 0763089127 khuyến mãi để đóng vai, giả danh L nhắn tin, gọi điện trao đổi với bà C.

Những lần sử dụng tài khoản zalo tên Lê Thị L2 gọi để trò chuyện với bà C thì L luôn dùng tay che miệng để giả giọng nói của L2 nhằm không để bà C nhận ra L. L giả là L2 nhắn tin, trò chuyện nói dối với bà C nhiều lần với nội dung: L2 có chồng bị tai nạn phải cưa chân đang nằm điều trị ở Bệnh viện C2 và

phải chuyển đến Bệnh viện Đ để tiếp tục điều trị, L2 có mua bảo hiểm cho chồng ở Bệnh viện Đ, sau khi điều trị bệnh xong sẽ được bảo hiểm thanh toán số tiền là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng). L2 nói với C cần vay tiền để đóng viện phí điều trị cho chồng, khi được phía bảo hiểm thanh toán sẽ trả lại tiền vay và cho bà C hết số tiền còn lại.

L lên mạng Internet tải hình ảnh người đang bị cưa chân rồi sử dụng tài khoản zalo tên T6 (Tài khoản zalo của Phan Thị Kim L sử dụng) gửi đến tài khoản zalo của Nguyễn Thị Thu C để làm cho bà C tin tưởng việc chồng của người tên L2 đang nằm viện bị cưa chân là thật.

L sử dụng tài khoản zalo tên Lê Thị L2 nhiều lần đóng giả L2 nhắn tin hỏi vay của C số tiền 10.000.000 đồng để đóng viện phí ca mổ cho chồng. C đồng ý, L tìm đến gặp bà Nguyễn Phương L1, sinh ngày 20/02/1994, nơi cư trú: Số A, tổ G, Ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Phú T1, sinh ngày 17/6/1990, nơi cư trú: xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và ông Võ Phước Lê Anh T2, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ F, ấp A, Xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là người kinh doanh dịch vụ nhận, chuyển tiền hộ để xin số tài khoản Ngân hàng.

L cung cấp số tài khoản 7567231 Ngân hàng Á và số tài khoản 0868910009 Ngân hàng M1 chủ tài khoản tên Nguyễn Phương L1, và tài khoản số 6910717750 thuộc Ngân hàng B tên Nguyễn Phú T1 cho C. L yêu cầu C chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng nêu trên.

Từ ngày 23/9/2023 đến ngày 27/4/2024 Bà C sử dụng số tài khoản 6500205202455 Ngân Hàng A tên Nguyễn Thị Thu C chuyển vào số tiền 10.000.000 đồng các tài khoản số 7567231; 0868910009, L tiếp tục sử dụng tài khoản zalo Lê Thị L2 nhiều lần nhắn tin, trò chuyện tạo ra nhiều lý do như thiếu tiền để đóng tiền viện phí, tiền điều trị bệnh cho chồng, tiền lo cho bên bảo hiểm để được thanh toán bảo hiểm và tiền đóng phí chuyển tiền cho Ngân hàng để nhận lại tiền bảo hiểm để nhiều lần yêu cầu C cho vay tiền. Tin tưởng là thật nên C đã nhiều lần chuyển khoản vào các tài khoản số 7567231, 0868910009, 6910717750 của bà Nguyễn Phương L1, ông Nguyễn Phú T1, Võ Phước Lê Anh T2 (làm dịch vụ nhận và chuyển tiền thuê) tổng số tiền 1.650.000.000đ (Một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng). Khi được C chuyển tiền, L trực tiếp nhận tiền tiêu xài cá nhân hết.

Do lo sợ bà C tố giác đến Cơ quan Công an nên từ ngày 30/5/2024 đến ngày 15/7/2024 L đến tiệm V do anh Võ Hoàng T3 làm chủ (ngụ ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp), tự xưng là L2 nhờ chuyển tiền trả lại cho bà C tổng cộng 8 lần với số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) sau đó trốn tránh, bà C không liên lạc được.

\* Ngoài ra bị cáo L còn thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại Phạm Thị Việt H1, sinh năm 1951, nơi cư trú: ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp:

Bị cáo L quen biết với bị hại Phạm Thị Việt H1, do L thuê nhà trọ của bà H1 để ở.

- L đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để mua sầu riêng bán lại và hứa 05 đến 07 ngày sẽ trả, đồng thời đưa ra mức lãi suất hấp dẫn 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; nhưng thật ra L không có mua bán sầu riêng hay kinh doanh gì. Bà H1 tưởng thật, nên giao tiền cho L. Cụ thể 04 biên nhận được

đánh số từ 1 đến số 4: Biên nhận ngày 16/5/2024 (nhằm ngày 16/5/2024 âm) L nhận số tiền 10.000.000 đồng; biên nhận ngày 17/5/2024 (nhằm ngày 10/4/2025 âm) L nhận 6.000.000 đồng; biên nhận ngày 19/5/2024 (nhằm ngày 12/4/2024 âm) L nhận 7.000.000 đồng. Tổng cộng 23.000.000 đồng, có được tiền L sử dụng vào mục tiêu xài cá nhân hết.

- L sử dụng tài khoản zalo T6 nhiều lần nhắn tin với tài khoản zalo của Phạm Thị Việt H1 với thông tin gian dối là mẹ chồng của L (Bùi Thị C1, sinh năm 1962) bị bệnh khối u, mổ lần 1 chưa hết, cần tiền để điều trị cho mẹ chồng và đồng thời L sử dụng số điện thoại lạ (sim khuyến mãi) nhắn tin nói chuyện với Bà H1 tự xưng là Nguyễn Văn H3 là cha chồng của L đang nuôi mẹ chồng L bệnh, năn nỉ hỏi mượn tiền để điều trị cho vợ, cần tiền để mổ 02 lần và tiền thuốc, tiền viện phí và hứa với Bà H1 khoảng nửa tháng sau sẽ bán đất trả lại tiền cho Bà H1.

Bà H1 tin tưởng là thật nên Bà H1 tiếp tục cho mượn tiền bằng hình thức đưa tiền cho Phan Thị Kim L nhiều lần, mỗi lần nhận tiền, L có viết biên nhận đưa cho H1. Cụ thể L nhận của Bà H1 là 460.000.000 đồng, thể hiện trên 10 biên nhận gồm:

Biên nhận số 5 ngày 12/8/2024 (nhằm ngày 09/7/2024 âm);

Biên nhận số 7 các ngày 11-12-13/7/2024 (nhằm các ngày 06-07-08/6/2024 âm).

Biên nhận số 8 ngày 16/7/2024 (nhằm ngày 11/6/2024 âm)

Biên nhận số 9 ngày 22/7/2024 (nhằm ngày 17/6/2024 âm).

Biên nhận số 10 ngày 15/7/2024 (nhằm ngày 10/6/2024 âm).

Biên nhận số 11 ngày 29/7/2024 (nhằm ngày 24/6/2024 âm).

Biên nhận số 14 ngày 02/7/2024 (nhằm ngày 27/5/2024 âm).

Biên nhận số 15 ngày 03/7/2024 (nhằm ngày 28/5/2024 âm).

Biên nhận số 16 ngày 06/7/2024 (nhằm ngày 01/6/2024 âm).

Biên nhận số 17 ngày 08/7/2024 (nhằm ngày 03/6/2024 âm).

- Bị cáo L sử dụng Zalo T6 nhắn tin cho H1 nói chồng của L tên Nguyễn Văn T7 bị bệnh phải nằm viện điều trị, L cung cấp cho H1 biết nằm ở bệnh viện C3, Vĩnh Long, Chợ R cần tiền lo cho chồng nên hỏi mượn tiền H1, tin là thật nên H1 tiếp tục cho L mượn tiền bằng hình thức đưa tiền mặt, chuyển khoản, đưa vàng nhẫn 9999 cho L, mỗi lần nhận tiền, vàng, đều có viết biên nhận tiền đưa lại cho H1 giữ. (Trong đó có tiền H1 đến dịch vụ chuyển tiền của Võ Phước Lê Anh T2, sinh năm 1986, ngụ ấp A, xã M, tỉnh đồng Tháp, chuyển đến số tài khoản 20635307 thuộc ngân hàng Á (A1) do Huỳnh Anh N1 đứng tên, sau khi L nhận tiền thì L viết biên nhận tiền đưa cho bà H1.

+ L đã chiếm đoạt 458.000.000 đồng thể hiện trên 15 biên nhận được đánh số 6, 12, 13, 18 đến 29 và nhận 21 chỉ vàng nhẫn 9999 thể hiện trên 10 biên nhận được đánh số biên nhận từ số 30 đến 39. Cụ thể:

Biên nhận số 6 ngày 19/9/2024 (nhằm ngày 17/8/2024 âm).

Biên nhận số 12 ngày 25/6/2024 (nhằm ngày 20/5/2024 âm).

Biên nhận số 13 ngày 30/6/2024 (nhằm ngày 25/5/2024 âm).

Biên nhận số 18 ngày 27/6/2024 (nhằm ngày 22/5/2024 âm)

Biên nhận số 19 ngày 24/6/2024 (nhằm ngày 19/5/2024 âm).

Biên nhận số 20 ngày 17/6/2024 (nhằm ngày 12/5/2024 âm).

Biên nhận số 21 ngày 15/6/2025 (nhằm ngày 10/5/2024 âm).

Biên nhận số 22 ngày 12/6/2024 (nhằm ngày 07/5/2024 âm).

Biên nhận số 23 cùng ngày 12/6/2024 (nhằm ngày 07/5/2024 âm).

Biên nhận số 24 ngày 06/6/2024 (nhằm ngày 01/5/2024 âm).

Biên nhận số 25 ngày 04/6/2024 (nhằm ngày 28/4/2024).

Biên nhận số 26 ngày 05/6/2024 (nhằm ngày 29/4/2024 âm).

Biên nhận số 27 ngày 07/6/2024 (nhằm ngày 02/5/2024 âm).

Biên nhận số 28 ngày 18/6/2024 (nhằm ngày 13/5/2024 âm).

Biên nhận số 29 ngày 22/6/2024 (nhằm ngày 17/5/2024 âm).

+ L chiếm đoạt 21 chỉ vàng 9999 thể hiện trên 10 biên nhận vàng được đánh số từ 30 đến 39 gồm:

Biên nhận số 30 ngày 17/5/2024 (nhằm ngày 10/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 31 ngày 22/5/2024 (nhằm ngày 15/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 32 ngày 23/5/2024 (nhằm ngày 16/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 33 ngày 25/5/2024 (nhằm ngày 18/4/2024) 03 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 34 ngày 27/5/2024 (nhằm ngày 20/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 35 ngày 29/5/2024 (nhằm ngày 22/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 36 ngày 30/5/2024 (nhằm ngày 23/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 37 ngày 31/5/2024 (nhằm ngày 24/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 38 ngày 01/6/2024 (nhằm ngày 25/4/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

Biên nhận số 39 ngày 10/6/2024 (nhằm ngày 05/5/2024) 02 chỉ vàng nhãn 9999.

- Ngoài ra bị cáo Phan Thị Kim L nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại H1 56.000.000 đồng không làm biên nhận. Cụ thể:

+ L đưa ra thông tin gian dối mượn tiền để trả tiền công hái sầu riêng, tưởng thật nên bà H1 giao tiền cho L ngày 20/5/2024 âm nhận 5.000.000 và nhận 5.000.000 đồng (không nhớ ngày) để mua điện thoại; ngày 22/5/2024 âm nhận số tiền 20.000.000 đồng; có được tiền bị cáo tiêu xài hết; tất cả không làm biên nhận. Tổng cộng 30.000.000 đồng.

+ Khoảng tháng 11-12/2024 âm (không nhớ ngày), bị cáo L nói dối với bà H1 là L có đất vườn, sẽ bán đất để trả tiền cho H1, L nói để bán được đất thì cần phải mua một lối đi vào đất thì người mua người ta mới mua và cần tiền để mua đường đi vào đất, lo trị bệnh cho chồng tên Nguyễn Văn T7, trả nợ tiền vay bên ngoài, lấy tiền chuộc xe...; H1 tin tưởng là có thật và cần lấy lại tiền nên Bà H1 tiếp tục giao thêm tiền cho L, lần 1 số tiền 21.000.000 đồng và lần 2 số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng 26.000.000 đồng; không viết biên nhận, có được

tiền L tiêu xài cá nhân hết.

Tổng cộng tất cả L đã chiếm đoạt của Bà H1 số tiền 1.012.000.000đ (Một tỷ không trăm mười hai triệu đồng) và 21 (hai mươi mốt) chỉ vàng nhẫn 9999 sau đó L bỏ trốn.

Đến ngày 28/3/2025 bị cáo L bị bắt khẩn cấp tại Công an xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tại Cơ quan điều tra L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

\* Kết luận giám định số 1820/KL-KTHS ngày 10/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận giám định chữ viết, chữ ký trên 39 biên nhận tiền, biên nhận vàng:

- Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu ký hiệu từ A5 đến A39 (trừ chữ viết trong các ô kẻ màu đỏ trên các tài liệu ký hiệu A6, A8, A10 đến A13, A18 đến A39) so với chữ ký, chữ viết của bà Phan Thị Kim L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trong các ô kẻ màu đỏ trên các tài liệu ký hiệu A6, A8, A10 đến A13, A18 đến A39 so với chữ viết của bà Phan Thị Kim L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Không tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trên các tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4 do là bản phô tô.

\* Kết luận định giá số 2552/KL-HĐDGTS ngày 23/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp tỉnh kết luận định giá đối với 21 chỉ vàng nhẫn 9999 tổng giá trị tài sản định giá là 157.535.000đ (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

\* Kết quả đối chiếu nợ, số tiền chiếm đoạt giữa bị cáo, bị hại, lời khai các bị hại đã thống nhất và phù hợp.

\* Kết quả nhận dạng: Cơ quan điều tra tiến hành cho những người làm dịch vụ nhận chuyển tiền gồm Nguyễn Phú T1, Nguyễn Phương L1 và Võ Phước Lê Anh T2 nhận dạng hình ảnh đối với Phan Thị Kim L, kết quả nhận dạng đều xác định được chính bị cáo Phan Thị Kim L3 là người đến gặp những người này nhờ nhận và chuyển tiền như nội dung vụ án đã nêu.

\* Kết quả sao kê tài khoản các ngân hàng; lịch sử chi tiết số thuê bao 0763089127 của bị cáo Phan Thị Kim L: kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, lịch sử chi tiết cuộc gọi phù hợp lời trình bày bị can, các bị hại, người liên quan, người làm chứng, gồm (ngân hàng N2 và P1 triển nông thôn chi nhánh Đ1 (A2); ngân hàng TMCP Á (A1); ngân hàng T8 chi nhánh Đ1 - chi nhánh H4 (MB); ngân hàng TMCP A3 chi nhánh Đ1 (A4) và Công ty D.

\* Bị cáo Phan Thị Kim L thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”; Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo”, “tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.”

\* **Vật chứng thu giữ và xử lý:**

- Bị cáo Phan Thị Kim L giao nộp: 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO

(màu đen - xám), đã qua sử dụng, số IMEI: MEID A00000FBD13819; IMEI1 868928069218397; IMEI2 868928069218389; có sim điện thoại sim 0778763185; số 0763089127. Bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc, trao đổi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó tịch thu nộp ngân sách.

- Bị hại Nguyễn Thị Thu C giao nộp 01 bản sao kê tài khoản Ngân hàng số 6500205202455 tên Nguyễn Thị Thu C thuộc Ngân hàng A, hình ảnh bệnh nhân bị băng bó nằm viện điều trị, 04 ảnh của Phan Thị Kim L (Tịch thu lưu hồ sơ vụ án).

- Bị hại Phạm Thị Việt H1 giao nộp 39 biên nhận tiền, biên nhận vàng do bị cáo Phan Thị Kim L3 viết đưa cho bị hại H1 (Tịch thu lưu hồ sơ vụ án).

**\* Về dân sự:**

- Tổng số tiền bị cáo L3 chiếm đoạt của bị hại C là 1.650.000.000đ, bị cáo L3 đã trả lại cho bà C 58.000.000đ. Buộc bị cáo tiếp tục trả cho bà C 1.592.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo L3 trả lại cho bị hại H1 số tiền bị chiếm đoạt là 1.012.000.000 đồng và 21 chỉ vàng nhẫn 9999.

\* Quá trình điều tra bị cáo Phan Thị Kim L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp lời khai người bị hại, kết quả giám định; kết quả định giá tài sản, vật chứng thu giữ; kết quả đối chiếu nợ, tiền chiếm đoạt, kết quả nhận dạng bị cáo, quá trình hỏi cung có ghi âm, ghi hình và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

\* Đối với Thái Hữu T5 sống chung như vợ chồng với bị cáo L, việc L thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại, trong các biên nhận tiền, biên nhận vàng có tên và chữ ký mang tên T5 là do bị cáo L tự viết và ký tên ông T5 vào các biên nhận số 6, 12, 13, 18 đến 39, T5 không biết, không tham gia; xét thấy T5 không đồng phạm, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Ngoài ra ông T5 còn nhiều lần nhận tiền giùm bị cáo L, chuyển khoản từ tài khoản Phương L1 và tài khoản khác (không nhớ) chuyển đến tài khoản của T5, nhận giùm theo yêu cầu của bị cáo L (với số tiền bao nhiêu không nhớ), sau đó T5 giao tiền này lại cho bị cáo, ông T5 không biết tiền do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý vai trò đồng phạm là phù hợp.

\* Đối với ông Nguyễn Văn H3 là cha chồng của bị cáo Phan Thị Kim L4, trong các biên nhận tiền có ghi tên ông H3 thể hiện biên nhận tiền số 5,6,7,8,9,10,11,14,15,16,17 là do bị cáo L tự viết và ghi tên ông H3 vào các biên nhận, ông H3 không biết, không tham gia vay mượn, không có vai trò đồng phạm, do đó không xử lý là phù hợp.

\* Đối với bà Bùi Thị C1 là mẹ chồng của bị cáo Phan Thị Kim L, quá trình phạm tội bị cáo L dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại để lấy tiền trị bệnh cho bà C1, là do bị cáo L tự đặt ra, không có lấy tiền chiếm đoạt để trị bệnh cho bà C1, việc bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại bà C1 không biết, không tham gia, không giúp sức, do đó không xử lý vai trò đồng phạm là phù hợp.

\* Đối với Võ Hoàng T3, Nguyễn Phương L1; Huỳnh Anh N1, Võ Phước Lê Anh T2, Nguyễn Phú T1 là những người chủ tài khoản Ngân hàng nhận chuyển, nhận tiền dịch vụ cho Phan Thị Kim L và thực hiện theo yêu cầu của L. Những người này là những hộ kinh doanh mua bán tại khu vực chợ M2 và có hỗ trợ nhận, chuyển tiền cho khách hàng khi có nhu cầu, không biết số tiền bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội mà có, không bàn bạc để giúp sức, không có vai trò đồng phạm. Do đó không có dấu hiệu của tội phạm, nên không xử lý là phù hợp.

Tại Cáo trạng số 22/CT- VKSĐT-P2 ngày 12/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Phan Thị Kim L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

**\* Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Bị cáo Phan Thị Kim L khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Bị cáo có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Thị Thu C yêu cầu buộc bị cáo trả 1.592.000.000 đồng. Về phần hình phạt đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị hại Phạm Thị Việt H1 yêu cầu buộc bị cáo trả 1.012.000.000 đồng và 21 chỉ vàng nhẫn 9999. Về phần hình phạt đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa có ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị Kim L. Đồng thời, phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thị Kim L mức án từ 14 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, luật sư đề nghị xem xét bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế để khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi của bị cáo Phan Thị Kim L phù hợp với nội dung truy tố của Cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã đủ cơ sở để khẳng định trong năm 2023 đến năm 2024 bị cáo Phan Thị Kim L nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối không có thật như: giả danh tên người khác, cần tiền điều trị bệnh cho người thân, kinh doanh sâu riêng, trả tiền đất, trả tiền chuộc xe, để cho các bị hại tin tưởng là thật nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại Nguyễn Thị Thu C 1.650.000.000 đồng; Phạm Thị Việt H1 số tiền 1.012.000.000 đồng và 21 chỉ vàng nhẫn 9999 (theo định giá 157.535.000 đồng). Tổng cộng chiếm đoạt 2.819.535.000 đồng tiêu xài cá nhân. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phan Thị Kim L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng quy định pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự an tại địa phương. Bị cáo có đủ nhận thức để biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bất chấp sử dụng các thủ đoạn làm cho bị hại tin tưởng để chiếm đoạt số tiền rất lớn từ các bị hại. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giữ gìn sự tôn nghiêm của pháp luật, để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, góp phần răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo khắc phục một phần hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự đề buộc bị cáo Phan Thị Kim L bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu C 1.592.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Phạm Thị Việt H1 số tiền 1.012.000.000 đồng và 21 chỉ vàng nhẫn 9999.

[7]. Về án phí: Bị cáo Phan Thị Kim L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét thấy ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Ý kiến bào chữa của Luật sư Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Kim L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim L 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phan Thị Kim L bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu C số tiền 1.592.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Phạm Thị Việt H1 số tiền 1.012.000.000 đồng và 21 chỉ vàng nhẫn 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO (màu đen, xám), đã qua sử dụng, (số IMEI: MEID A00000FBD13819; IMEI1 868928069218397; IMEI2 868928069218389; có sim điện thoại sim 0778763185; số 0763089127 (không kiểm tra số IMEI, số sim).

*(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp)*

- Lưu vào hồ sơ vụ án:

01 bản sao kê tài khoản Ngân hàng số 6500205202455 tên Nguyễn Thị Thu C thuộc Ngân hàng A, hình ảnh bệnh nhân bị băng bó nằm viện điều trị, 04 ảnh của Phan Thị Kim L.

- 39 biên nhận tiền, biên nhận vàng do bị can Phan Thị Kim L viết đưa cho bị hại H1.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị Kim L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 84.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại TP.HCM;(1)
- Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;(1)
- Phòng GDKT thanh tra và THA (TAT);(3)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;(1)
- Trại tạm giam số 1- CA tỉnh ĐT; (1)
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;(1)
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;(1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp;(1)
- Bị cáo;(1)
- Bị hại; (1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Trung Hiếu**